

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 14 tháng 9 năm 2026  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khiêm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tư và bà Đoàn Thị Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2026/TLST - HNGĐ ngày 23-6-2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-8-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27-8-2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã K, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ tạm trú và hiện đang sinh sống: Thôn B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn xin xét xử vắng mặt

**- Bị đơn:** Anh Trần Tuấn T; Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã K, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị L trình bày:* Tôi và anh Trần Tuấn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng). Lúc đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T không quan tâm gia đình, làm ăn thua lỗ, thất bát bán hết tài sản, nhà cửa, đất đai để trả nợ, hay uống rượu về là vợ chồng cãi nhau, ông T

nhiều lần đánh tôi, gây cho tôi tâm lý hoảng sợ rất nghiêm trọng. Tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được. Chúng tôi đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên tôi xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là:

Cháu Trần Thị Trà G, sinh năm 2000 và cháu Trần Trường S, sinh năm 2002 đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn anh Trần Tuấn T, anh Trần Tuấn T trình bày không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L, nhưng từ chối làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.*

Quá trình giải quyết nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và bị đơn từ chối làm việc, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được, không tiến hành hòa giải được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Tuấn T

Về con chung và cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Tuấn T, anh T đăng ký thường trú tại Thôn A, xã K, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã trực tiếp cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn và nguyên đơn theo quy định tại Điều 171, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn từ chối làm việc và từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 11-03-2004, chị L và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị L trình bày, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T không quan tâm gia đình, làm ăn thua lỗ, thất bát, bán hết tài sản, nhà cửa, đất đai để trả nợ, hay uống rượu về là vợ chồng cãi nhau, nhiều lần anh T đã đánh chị L, chị L đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được anh T và chị L đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Với thực trạng như chị L trình bày, cho thấy giữa chị L và anh T không còn sống chung, qua xác minh, anh T và chị L đã bán nhà từ 03 đến 04 năm nay, hiện

anh L đang thuê nhà và sinh sống tại thôn B, xã K, tỉnh Lâm Đồng, còn chị L đang sinh sống tại thôn B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L đối với anh T.

[4]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là: Cháu Trần Thị Trà G, sinh năm 2000 và cháu Trần Trường S, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L với anh Trần Tuấn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Tuấn T.
2. Về con chung: Cháu Trần Thị Trà G, sinh năm 2000 và cháu Trần Trường S, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên không đề cập giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011585 ngày 19-06-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Lâm Đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THA DS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Khiêm**

